TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:06b/QĐ-CTK	*Điện Biên, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Điện Biên

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1435/QĐ-TCTK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Điện Biên (*theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng các phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Xuân Thọ

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Tổng cục Thống kê (Vụ Kế hoạch Tài chính);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, KT.

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Điện Biên
Chương: 013

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 06b/QĐ-CTK ngày 08/01/2024 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Điện Biên)

ĐV tính: Nghin đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí												
1	Số thu phí, lệ phí												
1.1	Lệ phí												
	Lệ phí A												
	Lệ phí B												
	……												
1.2	*Phí*												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	Phí A												
	Phí B												
	……												
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại												
2.1	Chi sự nghiệp…… …….												
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*												
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
2.2	Chi quản lý hành chính												
a	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*												
b	Kinh phí												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	không thực hiện chế độ tự chủ												
3	*Số phí, lệ phí nộp NSNN*												
3.1	Lệ phí												
	Lệ phí A												
	Lệ phí B												
	…….												
3.2	Phí												
	Phí A												
	Phí B												
	…….												
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**23.203.000**	**23.203.000**	**11.837.499**	**2.271.750**	**758.094**	**1.531.000**	**1.052.250**	**1.039.000**	**1.312.813**	**1.358.594**	**941.000**	**1.101.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**23.203.000**	**23.203.000**	**11.837.499**	**2.271.750**	**758.094**	**1.531.000**	**1.052.250**	**1.039.000**	**1.312.813**	**1.358.594**	**941.000**	**1.101.000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.568.000	13.568.000	7.938.499	1.011.750	298.094	1.041.000	514.250	501.000	682.813	618.594	381.000	581.000
1.2	Kinh phí	9.635.000	9.635.000	3.899.000	1.260.000	460.000	490.000	538.000	538.000	630.000	740.000	560.000	520.000

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	không thực hiện chế độ tự chủ												
2	Nghiên cứu khoa học												
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	không thường xuyên												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
5	Chi bảo đảm xã hội												
5.1	Kinh phí												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	nhiệm vụ thường xuyên												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
6	Chi hoạt động kinh tế												
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường												
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin												
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn												
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao												
10.1	Kinh phí												

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê	Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng	Chi cục Thống kê Thị xã Mường Lay	Chi cục Thống kê huyện Mường Nhé	Chi cục Thống kê huyện Mường Chà	Chi cục Thống kê huyện Tủa Chùa	Chi cục Thống kê huyện Tuần Giáo	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên	Chi cục Thống kê huyện Điện Biên Đông	Chi cục Thống kê huyện Nậm Pồ
	nhiệm vụ thường xuyên												
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
11	Chi Chương trình mục tiêu												
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia												
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)												
2	Chi Chương trình mục tiêu												
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)												